

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 28-3-2018
V/v ly hôn, tranh chấp
về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Thùy Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Phương Dung;
2. Ông Trương Hữu Bình.

- Thư ký phiên tòa: Ông Văn Quang Bảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Thịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 805/2017/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2017 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Mỹ K, sinh năm: 1985; HKTT: Số 87/2/4 (số cũ: 32/5), khu phố A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bình Dương. Chỗ ở hiện nay: Ấp E, xã R, huyện C, tỉnh Bình Dương.

2. Bị đơn: Ông Lê Tuấn L, sinh năm: 1985; HKTT: Số 87/2/4 (số cũ: 32/5), khu phố A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn xin ly hôn ngày 16/11/2017 và tại phiên tòa nguyên đơn (bà K) trình bày:***

Bà K và ông L chung sống với nhau vào năm 2009, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện C, tỉnh Bình Dương năm 2009.

Trong thời gian chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc tại khu phố A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bình Dương nhưng đến đầu năm 2012 thì vợ chồng

thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau. Ông L thường xuyên cờ bạc, rượu chè, bỏ bê công việc gia đình, không chăm lo cho gia đình và con chung làm cho vợ chồng sống chung không còn tình cảm, không có hạnh phúc. Từ năm 2015 thì hai vợ chồng không sống chung với nhau. Bà K cùng hai con chung về nhà cha mẹ ruột của bà K tại ấp E, xã R, huyện C, tỉnh Bình Dương sinh sống cho đến nay. Vì vậy, bà K làm đơn xin ly hôn với ông L.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Lê Tuấn Hải Đ, sinh ngày 19/6/2009 và Lê Tuấn Hải Đ1, sinh ngày 01/01/2013. Bà K yêu cầu được nuôi 02 con chung và yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con 02 con mỗi tháng 2.000.000 đồng (mỗi con 1.000.000 đồng) cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Bà K không đồng ý giao con chung tên Lê Tuấn Hải Đ1 cho ông L nuôi dưỡng vì ông L là người hay uống rượu, có hành vi quậy phá trong gia đình và thời gian làm việc của ông L không được ổn định, ngoài giờ làm hành chính ra, ông L có khi phải trực tại công ty nên không có thời gian nhiều để chăm sóc con. Bên cạnh đó, cháu Đ1 còn nhỏ mới có 05 tuổi rất cần sự chăm sóc trực tiếp của mẹ. Hiện, bà K đang làm công nhân cho công ty giấy với mức thu nhập khoảng 5.000.000 đồng/tháng, tính chất công việc của bà K là sáng đi chiều về, rất ít tăng ca vào ban đêm. Hơn nữa cháu Đ1 đang ở cùng với ông bà ngoại, nếu bà K tăng ca tại công ty thì ông bà ngoại là người đưa đón cháu Đ1 đi học tại ấp T, xã E, huyện Dầu Tiếng.

Tại phiên tòa, bà K yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng/02 con.

Tài sản chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, bà K không có yêu cầu hay tranh chấp gì khác.

*** Theo bản tự khai ngày 19/12/2017 và tại phiên tòa bị đơn (ông L) trình bày:**

Ông L thống nhất với lời trình bày của bà K về quá trình chung sống, có đăng ký kết hôn năm 2009 và hai bên đã không sống chung với nhau từ năm 2015 cho đến nay; mâu thuẫn vợ chồng xuất phát từ việc hai bên không hòa hợp mặc dù ông vẫn muốn hòa giải hàn gắn tình cảm nhưng nếu bà K cương quyết ly hôn thì ông đồng ý ly hôn.

Con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Lê Tuấn Hải Đ1, sinh ngày 01/01/2013 và Lê Tuấn Hải Đ, sinh ngày 19/6/2009. Ông L yêu cầu được nuôi con chung tên Lê Tuấn Hải Đ1 và đồng ý giao con chung tên Lê Tuấn Hải Đ cho bà K chăm sóc nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Ông L hiện làm công nhân cho công ty nông nghiệp U&I với mức thu nhập hơn 6.000.000 đồng/tháng nếu có tăng ca. Bên cạnh đó, ông L đang sống với cha mẹ ruột nếu ông L tăng ca thì cháu Đ1 sẽ được ông bà nội chăm sóc và đưa đi học.

Tài sản chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, ông L không có yêu cầu, tranh chấp gì khác.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng đầy đủ, đúng trình tự thủ tục, người tham gia tố tụng đúng thành phần. Phiên tòa được tiến hành đúng trình tự. Nguyên đơn, bị đơn đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Các tài liệu, chứng cứ được Hội đồng xét xử làm rõ tại phiên tòa cho thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Mỹ K khởi kiện ông Lê Tuấn L về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Do ông L cư trú tại Số 87/2/4 (số cũ: 32/5), khu phố A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bà K và ông L chung sống với nhau tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện C, tỉnh Bình Dương. Do đó, hôn nhân giữa bà K và ông L là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Sau khi đăng ký kết hôn năm 2009 vợ chồng sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau. Ông L thường xuyên cờ bạc, rượu chè, bỏ bê công việc gia đình, không chăm lo cho gia đình và con chung làm cho đời sống vợ chồng sống chung không còn tình cảm, không có hạnh phúc. Từ năm 2015 thì hai vợ chồng đã không còn chung sống với nhau cho đến nay. Vì vậy, bà K làm đơn ly hôn với ông L. Trước yêu cầu xin ly hôn của bà K thì ông L đồng ý ly hôn.

[4] Hội đồng xét xử nhận thấy: Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình ấm no, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, bền vững. Thế nhưng cuộc sống vợ chồng giữa bà K và ông L không đạt được những điều đó, hai vợ chồng đã không sống chung từ năm 2015 cho đến nay. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần để hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng bà K kiên quyết xin ly hôn và ông L đồng ý ly hôn. Điều này cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặc khác, bà K và ông L thống nhất ly hôn nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về con chung: Trong thời gian chung sống bà K và ông L có 02 con chung tên Lê Tuấn Hải Đ, sinh ngày 19/6/2009 và Lê Tuấn Hải Đ1, sinh ngày 01/01/2013. Bà K yêu cầu được nuôi 02 con chung và yêu cầu ông L cấp dưỡng

nuôi hai con mỗi tháng 1.500.000 đồng (mỗi con 650.000 đồng) cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Bà K cung cấp chứng cứ chứng minh thu nhập của bà là 5.000.000 đồng/tháng. Ông L yêu cầu nuôi con chung tên Lê Tuấn Hải Đ1 và đồng ý giao con chung tên Lê Tuấn Hải Đ cho bà K chăm sóc nuôi dưỡng. Ông L cung cấp hợp đồng lao động chứng minh thu nhập hàng tháng khoảng 6.000.000/tháng. Hội đồng xét xử xét thấy, việc giao con chung cho ai trực tiếp nuôi con là căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Qua quá trình Tòa án tiến hành xác minh thì từ năm 2015 bà K không sống chung với ông L. Bà K và hai con về sống tại nhà cha mẹ ruột của bà K ở ấp T, xã E, huyện C, tỉnh Bình Dương. Từ đó cho đến nay, cháu Đ và cháu Đ1 vẫn được bà K chăm sóc rất tốt. Mặc khác, ông L có công việc không cố định về thời gian, có khi về nhà muộn. Ngoài ra, Tòa án có tham khảo ý kiến của cháu Đ là nguyện vọng của cháu là được sống với mẹ. Do đó, để giữ ổn định đời sống của trẻ vị thành niên và để trẻ có sự phát triển tốt nhất nên giao hai con chung cho bà K nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Theo quy định tại điều 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình thì người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử nhận thấy, hiện nay ông L đang làm công ty cổ phần nông nghiệp U&I thu nhập khoảng 6.000.000 đồng tháng. Do đó, bà K yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi hai con 1.500.000 đồng/tháng là phù hợp với quy định của pháp luật và mức thu nhập hàng tháng của ông L nên có căn cứ chấp nhận.

[7] Tài sản chung, nợ chung: Bà K, ông L không yêu cầu nên không xem xét.

[8] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

[9] Về án phí cấp dưỡng nuôi con: Bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 235, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ vào các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mỹ K đối với ông Lê Tuấn L về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Mỹ K và ông Lê Tuấn L thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị Mỹ K trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lê Tuấn Hải Đ, sinh ngày 19/6/2009 và Lê Tuấn Hải Đ1, sinh ngày 01/01/2013.

Ông Lê Tuấn L cấp dưỡng nuôi con 02 con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng (mỗi con chung 650.000 đồng) bắt đầu từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bà K có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông L không cấp dưỡng số tiền trên đúng thời hạn thì hàng tháng ông L còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Hai bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

3. Tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp nên không xem xét.

4. Án phí:

+ Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Mỹ K chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí mà bà K đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0011154 ngày 01 tháng 12 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

+ Án phí cấp dưỡng sơ thẩm: Ông Lê Tuấn L chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng).

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 28/3/2018)/.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CC THADS huyện Dầu Tiếng;
- UBND xã N, huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Thùy Linh

